

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Số: 27 /2017/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bạc Liêu, ngày 27 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chi tiết thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Điểm a, Khoản 1, Điều 6 Quyết định 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 292/TTr-SNN ngày 03 tháng 10 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 04 năm 2018./.

Nơi nhận: //

- Như điều 3;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT. HĐND tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh (để kiểm tra);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (để giám sát);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Báo Bạc Liêu, Đài PTTH tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - tin học tỉnh (để đăng Công báo);
- Lưu: VT, (hh40). ll

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Dương Thành Trung

QUY ĐỊNH

Chi tiết thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27 /2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định chi tiết nội dung hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ về phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò, heo); con giống (trâu, bò, heo đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị); xử lý chất thải trong chăn nuôi; đào tạo kỹ thuật và hỗ trợ người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc.

2. Những nội dung không có trong quy định này thì thực hiện theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020 và Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi trâu, bò, heo; gia cầm, trừ các hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp (sau đây gọi là hộ chăn nuôi); riêng việc hỗ trợ mua con giống chỉ áp dụng cho các hộ chăn nuôi ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn do Trung ương quy định.

2. Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc.

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ
VIỆC HỖ TRỢ CHO HỘ CHĂN NUÔI**

Điều 3. Chính sách hỗ trợ cho hộ chăn nuôi

1. Hỗ trợ cho phối giống nhân tạo hàng năm đối với heo, trâu, bò

a) Thụ tinh nhân tạo cho heo nái sinh sản

- Loại tinh: Sử dụng tinh heo các giống Yorkshire, Landrace, Duroc, Pietrain; tổ hợp lai của các giống heo ngoại đã nêu.

- Mức hỗ trợ: Không quá 02 (hai) liều tinh cho một lần phối giống và không quá 05 liều tinh cho một heo nái/năm.

- Đơn giá hỗ trợ: 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng)/01 liều tinh

b) Thụ tinh nhân tạo cho trâu, bò cái sinh sản

- Loại tinh: Sử dụng tinh các giống trâu, bò được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

- Mức hỗ trợ: Không quá 02 (hai) liều tinh/trâu, bò cái/năm.

- Đơn giá hỗ trợ: 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng)/01 liều tinh trâu, bò

- Định mức vật tư thụ tinh nhân tạo cho trâu bò cái sinh sản:

+ Hỗ trợ Nitor lỏng dùng để bảo quản tinh ở các điểm trung chuyển, định mức không quá 60 lít/tháng; dùng để vận chuyển tinh đi phối giống mức tối đa không quá 3,5 lít/01 trâu, bò cái có chữa.

+ Giá Nitor lỏng 30.000 đồng (ba mươi ngàn đồng/lít).

+ Hỗ trợ để mua những dụng cụ, vật tư sử dụng một lần như găng tay, dẫn tinh quản, nước sinh lý, môi trường pha tinh phục vụ cho công tác thụ tinh nhân tạo là 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng)/01 con trâu hoặc bò cái có chữa.

+ Súng bắn tinh: Hỗ trợ một lần, 01 cái/người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc; mức hỗ trợ 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng)/cái.

c) Tiêu chuẩn chất lượng liều tinh

Tiêu chuẩn chất lượng liều tinh dùng để phối giống nhân tạo cho heo, trâu, bò thực hiện theo quy định tại Điều 3, Chương II Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Điều kiện hưởng hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hỗ trợ mua con giống

a) Loại giống được hỗ trợ

- Đối với trâu đực giống: Là giống trâu nội phù hợp với địa phương.

- Đối với bò đực giống: Sử dụng giống thuộc nhóm bò Zebu (*Red Sindhi, Brahman, Sahiwal*), các tổ hợp lai của nhóm bò Zebu với bò vàng Việt Nam.

- Đối với heo đực giống: Sử dụng các giống heo Yorkshire, Landrace, Duroc, Pietrain; tổ hợp lai của các giống heo nêu trên.

- Đối với gà giống bố mẹ hậu bị: Là giống gà siêu trứng, gà thịt, gà lai, gà thả vườn nằm trong danh mục giống được phép sản xuất, kinh doanh do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

- Đối với vịt giống bố mẹ hậu bị: Là giống vịt thịt, siêu trứng nằm trong danh mục giống được phép sản xuất, kinh doanh do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

b) Số lượng con giống được hỗ trợ

Mỗi hộ chăn nuôi chỉ được hỗ trợ không quá 03 con heo đực giống hoặc 01 con trâu hoặc 01 con bò đực giống hoặc 200 con gà (*số lượng gà trống không được phép vượt quá 50 con*), hoặc 200 con vịt giống bố mẹ hậu bị (*số lượng vịt đực không được phép vượt quá 50 con*).

c) Mức hỗ trợ

- Đối với heo đực giống: Được hỗ trợ một lần số tiền là 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*)/01 con heo đực giống từ 06 tháng tuổi trở lên.

- Đối với bò đực giống: Được hỗ trợ một lần số tiền là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*)/01 con bò đực giống từ 12 tháng tuổi trở lên.

- Đối với trâu đực giống: Được hỗ trợ một lần số tiền là 25.000.000 đồng (*hai mươi năm triệu đồng*)/01 con trâu đực giống từ 24 tháng tuổi trở lên.

- Đối với gà, vịt giống: Được hỗ trợ một lần số tiền là 50.000 đồng (*năm mươi ngàn đồng*)/01 con gà, vịt giống.

d) Tiêu chuẩn chất lượng con giống

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

đ) Điều kiện hưởng hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Hỗ trợ về xử lý chất thải chăn nuôi

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần xây dựng công trình khí sinh học (*hầm biogas*) hoặc sử dụng đệm lót sinh học (*sử dụng men vi sinh trộn với chất độn chuồng*) để xử lý chất thải chăn nuôi.

b) Đơn giá hỗ trợ

- Hộ chăn nuôi xây dựng công trình khí sinh học từ $6m^3$ đến dưới $8m^3$ được hỗ trợ 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*)/hộ.

- Hộ chăn nuôi xây dựng công trình khí sinh học từ $8m^3$ đến dưới $10m^3$ được hỗ trợ 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*)/hộ.

- Hộ chăn nuôi xây dựng công trình khí sinh học trên $10m^3$ được hỗ trợ 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*)/hộ.

- Hộ chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học từ $10m^2$ đến dưới $20m^2$ được hỗ trợ 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*)/hộ.

- Hộ chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học từ $20m^2$ đến dưới $30m^2$ được hỗ trợ 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/hộ.

- Hộ chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học từ $30m^2$ đến dưới $40m^2$ được hỗ trợ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/hộ.

- Hộ chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học từ $40m^2$ đến dưới $50m^2$ được hỗ trợ 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/hộ.

- Hộ chăn nuôi sử dụng đệm lót sinh học trên $50m^2$ được hỗ trợ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/hộ.

c) Điều kiện hưởng hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển phối giống nhân tạo gia súc

1. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ một lần chi phí đào tạo, tập huấn cho các cá nhân về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc; tùy theo tình hình, điều kiện chăn nuôi cụ thể mỗi một xã, phường, thị trấn được hỗ trợ đào tạo từ 01 đến 03 người,

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần đến 100% kinh phí đào tạo, tập huấn cho các cá nhân về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc; mức hỗ trợ không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/01 người.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 4 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hỗ trợ mua bình chứa Nitơ lỏng để vận chuyển, bảo quản tinh phối giống nhân tạo gia súc

c) Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ mua bình chứa Nitơ lỏng để vận chuyển, bảo quản tinh đi phối giống nhân tạo gia súc là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/01 bình 3,5 lít/ người.

d) Điều kiện hưởng hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 4, Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Nguồn kinh phí hỗ trợ, Quyết toán kinh phí, cơ chế tài chính và nguyên tắc áp dụng chính sách hỗ trợ

1. Lập dự toán

Dự toán kinh phí thực hiện hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ được lập cùng thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Quản lý kinh phí

a) Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ được giao cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố quản lý.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố có trách nhiệm chi trả hỗ trợ cho đối tượng đủ điều kiện được hưởng.

3. Quyết toán kinh phí

Kinh phí thực hiện hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ được quyết toán cùng với kinh phí chi thường xuyên được giao cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố theo quy định của Luật ngân sách và chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, trong đó tách các biểu chi tiết tình hình thực hiện kinh phí chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ (*có thuyết minh cụ thể về số lượng và giá trị theo từng nội dung hỗ trợ*).

4. Cơ chế tài chính

Thực hiện hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 205/2015/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về cơ chế tài chính thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn các huyện, thị xã và thành phố triển khai các nội dung tại quy định này.

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định này tại các huyện, thị xã và thành phố; tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai và đề xuất những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh để giải quyết kịp thời.

2. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở nhu cầu đăng ký của các huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc bố trí, phân bổ nguồn ngân sách để thực hiện.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính cấp bù kinh phí theo quy định tại gạch đầu dòng thứ 2, Điểm a, Khoản 1, Điều 5 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Hướng dẫn các huyện, thị xã và thành phố thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra việc triển khai thực hiện quy định này.

3. Báo Bạc Liêu, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh

Tuyên truyền, phổ biến Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020, Thông tư 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Điểm a, Khoản 1, Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020 và Quy định chi tiết này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan tại địa phương.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, cơ quan truyền thông, tuyên truyền, phổ biến cho hộ chăn nuôi nắm rõ nội dung định mức hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định chi tiết của tỉnh.

b) Hàng năm tổ chức rà soát, thống kê hộ chăn nuôi thuộc đối tượng được hưởng định mức hỗ trợ theo quy định này và tổng hợp, xây dựng kế hoạch nhu cầu kinh phí hỗ trợ, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Lập dự toán kinh phí, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ theo quy định hiện hành.

d) Ban hành quyết định phê duyệt danh sách các hộ được hưởng chính sách hỗ trợ.

đ) Thành lập hội đồng bình tuyển và tổ chức bình tuyển gia súc được giống đảm bảo chất lượng.

e) Quản lý, giám sát hoạt động của đội ngũ làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc, hộ gia đình chăn nuôi được giống và các hộ chăn nuôi được hưởng hỗ trợ.

g) Thực hiện hỗ trợ, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

h) Báo cáo kết quả triển khai hàng tháng, quý, năm và đột xuất theo yêu cầu.

5. Ủy ban nhân dân các phường, xã và thị trấn

a) Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, phổ biến đến các hội viên và quần chúng nhân dân về định mức hỗ trợ và quy định thực hiện định mức hỗ trợ tại địa phương.

b) Tiếp nhận và xét duyệt đơn đăng ký của các hộ chăn nuôi.

c) Tổng hợp danh sách các hộ chăn nuôi đủ điều kiện được hưởng hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (có biểu đính kèm chi tiết về tên hộ, địa chỉ, nội dung đề nghị hỗ trợ).

d) Phối hợp với các phòng, ban liên quan nghiệm thu các nội dung hỗ trợ.

đ) Kiểm tra, giám sát quá trình triển khai hỗ trợ trực tiếp tại xã, phường, thị trấn; niêm yết công khai danh sách các hộ được hỗ trợ tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

e) Hướng dẫn và giám sát các hộ chăn nuôi được hưởng hỗ trợ, thực hiện nghiêm các nội dung như: Chăn nuôi bảo đảm vệ sinh phòng dịch, bảo vệ môi trường gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới; cam kết chăm sóc nuôi dưỡng và khai thác con đực giống ít nhất 24 tháng đối với heo và 48 tháng đối với trâu, bò; trừ trường hợp chết, loại thải hoặc thiên tai, dịch bệnh; không sử dụng heo, trâu, bò đực giống không đạt tiêu chuẩn để phối giống dịch vụ.

6. Trách nhiệm của hộ chăn nuôi

a) Chăn nuôi bảo đảm vệ sinh phòng dịch, bảo vệ môi trường gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

b) Cam kết chăm sóc nuôi dưỡng và khai thác con đực giống ít nhất 24 tháng đối với heo và 48 tháng đối với trâu, bò; trừ trường hợp chết, loại thải hoặc thiên tai, dịch bệnh.

c) Không sử dụng con đực heo, trâu, bò không đạt tiêu chuẩn để phối giống dịch vụ.

d) Thực hiện các quy định và hướng dẫn của địa phương để được hưởng chính sách hỗ trợ.

Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các ngành, các cấp phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. //

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Dương Thành Trung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi: UBND xã (phường/thị trấn).....

Tôi là:.....

Nam/Nữ:.....

Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc.....

Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày:...../...../..... Nơi cấp:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

Điện thoại (nếu có):..... Di động (nếu có):.....

Căn cứ Quyết định số: /2017/QĐ-UBND ngày tháng năm 2017 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành Quy định chi tiết thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Nay tôi làm đơn đề nghị được hỗ trợ nội dung sau: (Ghi nội dung đề nghị hỗ trợ)

Tôi xin cam kết nếu được hỗ trợ, tôi sẽ thực hiện đúng các quy định đối với người được hưởng hỗ trợ. Nếu làm sai, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

**Xác nhận của UBND các xã,
phường, thị trấn**
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm.....
Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: UBND xã (phường, thị trấn) xác nhận hộ, cá nhân có hoạt động nội dung đề nghị và đủ điều kiện được hỗ trợ.